

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-ST
Ngày 28-9-2021.
“*V/v Tranh chấp hợp tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST-DS ngày 12/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2021/QĐST – DS ngày 10 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2021/QĐST – DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần E (gọi tắt là EXIMBANK).

Người đại theo theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần E: Ông Lê Văn Q – chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở: Lầu 8, Tòa nhà Vincom Center, số C Lê Thánh Tôn, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần E: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần E - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (theo giấy ủy quyền số 263/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 28/12/2018 của Tổng giám đốc Eximbank).

Người được ủy quyền lại của ông Nguyễn Quốc C: Ông Trần Văn Th - Chức vụ Trưởng phòng khách hàng cá nhân chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần E chi nhánh Buôn Ma Thuột (theo giấy ủy quyền số 210/2020/EIBBMT/UQ-TGĐ ngày 31/12/2020 của ông Nguyễn Quốc C) – có mặt.

Địa chỉ chi nhánh Buôn Ma Thuột: 114-116 Phan Bội Châu, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978 và bà Trần Thị D, sinh năm 1981- Vắng mặt lần thứ 3 không có lý do.

Cùng địa chỉ: thôn C, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Thanh trình bày:

Ngày 04/6/2019, Ngân hàng TMCP E (sau đây gọi tắt là Ngân hàng E) và ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D đã ký Hợp đồng tín dụng (HĐTD) từng lần số 1201-LAV-190052634 và Khế ước nhận nợ số 1201-LDS-190001391 ngày 04/6/2019: Theo đó Ngân hàng E cho ông Th, bà D vay số tiền 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 11 tháng (từ ngày 04/6/2019 đến hết ngày 04/5/2020); trả gốc một lần khi đáo hạn khoản vay; lãi suất: là 12%/năm, chu kỳ thay đổi mỗi tháng /lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng (lãi cuối kỳ) tháng 01 lần, mỗi kỳ trả lãi 06 tháng vào ngày 04, kỳ trả lãi đầu tiên là 04/12/2019, kỳ trả lãi cuối cùng là 04/5/2020; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; mục đích cho vay: đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu và tiêu dùng gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng E các tài sản của ông Th, bà D gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 106, diện tích đất 21.185,0 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, theo GCNQSDĐ số BX 950093, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01588 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp ngày 03/4/2015, cập nhật nội dung thay đổi ngày 29/05/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Th. Đất tọa lạc tại: thôn C, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Theo Hợp đồng thế chấp số 267/2019/EIB BMT-HĐTC ngày 03/6/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng Đắk Song ngày 03/6/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đắk Song ngày 03/6/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Th, bà D chỉ trả được 35.496.986 đồng tiền lãi đến ngày 04/12/2019. Kể từ ngày 05/12/2019 đến nay đã không thực hiện đúng cam kết, không hợp tác trong việc trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên mặc dù đã được phía Ngân hàng E nhắc nhở rất nhiều lần. Sau ngày 04/5/2020, Ngân hàng E đã chuyển toàn bộ nợ vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất phạt quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải trả nợ cho Ngân hàng E số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là 28/9/2021 là 787.806.493 đồng (*Bảy trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm linh sáu nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc: 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn: 31.940.822 đồng (*Ba mươi một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 161.385.205 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng*) lãi phạt chậm lãi: 4.480.466 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*); tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản chi phí phát sinh được tiếp tục tính kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi ông Th, bà D thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ

đã ký kết; Trường hợp ông Thượng và bà Dịu không trả được nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng E, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng E. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt vi phạm do chậm trả lãi và chi phí phát sinh cho Ngân hàng E đến khi thanh toán xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng E nộp tạm ứng chi phí cho việc xem xét thẩm định 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Ngân hàng E yêu cầu ông Th, bà D phải thanh toán lại số tiền trên cho Ngân hàng E theo quy định.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông đã vay của Ngân hàng E số tiền gốc 590.000.000 đồng vào năm 2019, khi vay có thể chấp cho Ngân hàng E tài sản là diện tích đất 21.185,0m², thửa đất số 61, tờ bản đồ số 106 theo GCNQSDĐ số BX 950093 được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp ngày 03/4/2015, cập nhật nội dung thay đổi ngày 29/05/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Th, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc tại: thôn C, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông là thửa đất khi ông chưa cưới vợ. Nhưng khi đăng ký thế chấp và làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì cả hai vợ chồng ông đều đi đăng ký và làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông bà đã trả được 35.500.000 đồng tiền lãi suất, số tiền còn lại, do điều kiện khó khăn nên ông xin Ngân hàng E tạo điều kiện cho vợ chồng ông sắp xếp và sẽ trả cho Ngân hàng E. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà D không thỏa thuận được với Ngân hàng E về việc giải quyết vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị D vợ ông Thượng: Mặc dù có đến Tòa án để làm việc nhưng không ghi bản tự khai và không chịu ký vào biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải. Theo biên bản xác minh ngày 22/4/2021, tại Công an xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (bút lục số 38) thể hiện ông Thượng và bà Dịu có đăng ký hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng tại: thôn C, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Hiện nay, ông Thượng và bà Dịu có mặt tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông Th, bà D có tham gia buổi hòa giải nhưng không chịu ký vào biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải mà bỏ ra về.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Th, bà D không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chỉ có ông Thượng lên làm việc nhưng đến phiên hòa giải thì không ký vào các biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải, còn bà Dịu có lên Tòa làm việc nhưng không ghi bản tự khai và không chịu ký vào biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải là không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*), lãi các loại tính đến ngày xét xử.

Kể từ ngày 29/9/2021 ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 267/2019/EIB BMT-HĐTC ngày 03/6/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng Đắk Song ngày 03/6/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đắk Song ngày 03/6/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Buộc ông Th, bà D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Th, bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, hồ sơ khách hàng là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra còn một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D trả số tiền gốc 590.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) từng lần số 1201-LAV-190052634 và Khế ước nhận nợ số 1201-LDS-190001391 ngày 04/6/2019, nên tranh chấp này được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã Đắk N’Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 04/6/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 590.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày vay, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 04/5/2020, bị đơn trả được lãi vào ngày 04/12/2019 sau đó không trả nợ lãi tiếp, đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 04/5/2020 bị đơn không trả gốc, lãi, đến ngày 27/8/2020

nguyên đơn làm đơn khởi kiện bị đơn để thu hồi nợ. Do vậy không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng E và ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D được ký kết vào ngày 04/6/2019 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[1.5]. Về sự vắng mặt của đương: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của BLTTDS; Ông Thượng có đến tòa án làm việc còn bà Dị đã được triệu tập hợp lệ lần nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại buổi thông báo tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/6/2021 bị đơn ông Th, bà D có đến tham gia hòa giải nhưng không ký vào biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải mà bỏ về. Tại phiên tòa lần 1 ngày 10/8/2021 bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do tại nơi làm việc Thành Phố Buôn Ma Thuột đang áp dụng Chỉ thị 16 về giãn cách xã hội phòng chống dịch covid -19, Tòa án hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày 10/9/2021 nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do tại nơi làm việc Thành Phố Buôn Ma Thuột đang áp dụng Chỉ thị 16 về giãn cách xã hội phòng chống dịch covid -19, bị đơn vắng mặt không lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 2, các Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến phiên tòa lần 3 ngày 28/9/2021 bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không lý do, việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 04/6/2019, Ngân hàng TMCP E (sau đây gọi tắt là Ngân hàng E) và ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D đã ký Hợp đồng tín dụng (HĐTD) từng lần số 1201-LAV-190052634 và Khế ước nhận nợ số 1201-LDS-190001391 ngày 04/6/2019: Theo đó Ngân hàng E cho ông Th, bà D vay số tiền 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 11 tháng (từ ngày 04/6/2019 đến hết ngày 04/5/2020); trả gốc một lần khi đáo hạn khoản vay; lãi suất: là 12%/năm, chu kỳ thay đổi mỗi tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng (lãi cuối kỳ) tháng 01 lần, mỗi kỳ trả lãi 06 tháng vào ngày 04, kỳ trả lãi đầu tiên là 04/12/2019, kỳ trả lãi cuối cùng là 04/5/2020; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; mục đích cho vay: đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu và tiêu dùng gia đình. Xét thấy Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng E và ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT – NHNN, ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước đối với khách hàng và quy

định tại Điều 385 của Bộ luật dân sự nên là hợp đồng tín dụng hợp pháp, có hiệu lực đối với các bên tham gia.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E, HĐXX xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu thanh toán số nợ gốc còn lại của nguyên đơn với số tiền 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*) HĐXX xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết vào ngày 04/6/2019, thời hạn vay 11 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 04/5/2020. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D đã được Nguyên đơn Ngân hàng E giải ngân đủ số tiền 590.000.000 đồng. Sau khi giải ngân đến nay, ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị D chỉ trả được 35.496.986 đồng tiền lãi suất, sau đó thì không thực hiện việc trả nợ gốc lãi theo quy định mặc dù đến hạn trả cuối cùng ngày 04/5/2020, bắt đầu từ ngày 05/5/2020 thì vi phạm hợp đồng, nhiều lần Ngân hàng E thông báo yêu cầu ông Thượng và bà Diệu phải thanh toán tiền cho Ngân hàng E số tiền gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông Th và bà D vẫn không thanh toán, nên Ngân hàng E khởi kiện bị đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*) là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi, trong hạn: 31.940.822 đồng (*Ba mươi một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 161.385.205 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm đồng*) lãi phạt chậm lãi: 4.480.466 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*); tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản chi phí phát sinh được tiếp tục tính kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi ông Th, bà D thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết: HĐXX xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 1201-LAV-190052634 và Khế ước nhận nợ số 1201-LDS-190001391 ngày 04/6/2019, thì nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền là 590.000.000 đồng vào ngày 04/6/2019, lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 12%/năm, Thời hạn vay: 11 tháng (từ ngày 04/6/2019 đến hết ngày 04/5/2020); trả gốc một lần khi đáo hạn khoản vay; lãi suất: là 12%/năm, chu kỳ thay đổi mỗi tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng (lãi cuối kỳ) tháng 01 lần, mỗi kỳ trả lãi 06 tháng vào ngày 04, kỳ trả lãi đầu tiên là 04/12/2019, kỳ trả lãi cuối cùng là 04/5/2020; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; mục đích cho vay: đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu và tiêu dùng gia đình. Thực hiện nghĩa vụ trả gốc lãi thì bị đơn còn nợ nguyên đơn 590.000.000 đồng tiền gốc, bị đơn chỉ trả lãi đến ngày 04/12/2019 số tiền 35.496.986 đồng sau đó không trả, đến hạn trả nợ gốc tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 05/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2021, tương ứng số tiền tạm tính là 197.806.493 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm linh sáu nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*) (có bảng lãi tạm tính kèm theo). Vì vậy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp nên cần chấp nhận.

Kể từ ngày 29/9/2021 ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng E các tài sản của ông Th, bà D gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 106, diện tích đất 21.185,0 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, theo GCNQSDĐ số BX 950093, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01588 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Song cấp ngày 03/4/2015, cập nhật nội dung thay đổi ngày 29/05/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Th. Đất tọa lạc tại: thôn C, xã ĐN, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Theo Hợp đồng thế chấp số 267/2019/EIB BMT-HĐTC ngày 03/6/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng Đăk Song ngày 03/6/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đăk Song ngày 03/6/2019. Xét thấy việc ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng của hai bên phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng thế chấp giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D và Ngân hàng E. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất trên. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất và tài sản trên đất, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác định được thửa đất trên thực tế đúng với vị trí, tọa độ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th được cấp và đúng với bản đồ địa chính, hiện nay Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D đang quản lý sử dụng. Vì vậy Trường hợp Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D không thanh toán trả nợ trên thì Ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn Th để đảm bảo thanh toán nợ nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng E nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt vi phạm do chậm trả lãi và chi phí phát sinh cho Ngân hàng E đến khi thanh toán xong.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật của người tham gia tố tụng chưa chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng E đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án. Nên cần buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D trả lại cho Ngân hàng E số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là có căn cứ theo khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng E được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 787.806.493 đồng = {20.000.000 đồng + (04 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)}

(387.806.493 đồng x 04%)} = 35.512.260 đồng). Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải chịu là: 35.512.260 đồng (*Ba mươi lăm triệu, năm trăm mười hai nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng E số tiền 15.175.000 đồng (*Mười lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0005101 ngày 07/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 155; Điều 157; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 11, Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016; Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 322; Điều 323; Điều 385; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần E đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền gốc và lãi còn nợ là 787.806.493 đồng(*Bảy trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm linh sáu nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc: 590.000.000 đồng(*Năm trăm chín mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn: 31.940.822 đồng(*Ba mươi một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 161.385.205 đồng(*Một trăm sáu mươi một triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng*) lãi phạt chậm lãi: 4.480.466 đồng(*Bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) **tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2021(có bảng lãi tạm tính kèm theo).**

Kể từ ngày 29/9/2021 ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng

Thương mại cổ phần E có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 106, diện tích đất 21.185,0 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, theo GCNQSDĐ số BX 950093, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01588 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp ngày 03/4/2015, cập nhật nội dung thay đổi ngày 29/05/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Th, bà Diệu. Đất tọa lạc tại: thôn C, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Theo Hợp đồng thế chấp số 267/2019/EIB BMT-HĐTC ngày 03/6/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng Đắk Song ngày 03/6/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đắk Song ngày 03/6/2019. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt vi phạm do chậm trả lãi và chi phí phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải chịu án **phí dân sự sơ thẩm là** 35.512.260 đồng (*Ba mươi lăm triệu, năm trăm mười hai nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền 15.175.000 đồng (*Mười lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0005101 ngày 07/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*): Ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền trên. Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị D phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tạm ứng chi phí đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ